TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 779/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T2, sinh năm 1991; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A1, xã A2, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy G tại xã G, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2017 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Đỗ Thị L (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Bùi Văn T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A2, huyện T1, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013. Chị L và anh T2 chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có con chung, anh T2 không từ bỏ được việc nghiện ma túy dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T2.

Về con chung: Chị L trình bày chị và anh T2 không có con chung.

Về tài sản chung: Chị L trình bày chị và anh T2 không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Đỗ Thị L đã nộp cho Tòa án: Bản sao Giấy kết hôn số 114/2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013; Sổ hộ khẩu của anh Bùi Văn T2 và của chị Đỗ Thị L; Chứng minh nhân dân của anh T2 và chị L để chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh Bùi Văn T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 19/TB-TA ngày 09/3/2018 và đã không có ý kiến, quan điểm gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Đỗ Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không bổ sung gì thêm.

Bị đơn là anh Bùi Văn T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song đến ngày mở phiên tòa, anh Bùi Văn T2 vẫn không trình bày thêm ý kiến gì về việc chị Đỗ Thị L xin ly hôn.

Tại các biên bản làm việc ngày 07/12/2017 và ngày 15/5/2018 tại Cơ sở cai nghiện ma túy G thể hiện nội dung: Anh T2 biết được việc chị L có đơn xin ly hôn tại Tòa án với các nội dung như chị L đã trình bày nhưng anh T2 không trình bày quan điểm của mình đối với các yêu cầu của chị L, anh T2 đã nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và không ký vào biên bản giao nhận của Tòa án và không có ý kiến gì.

Tại biên bản xác minh ngày 19/12/2017 thể hiện chị L và anh T2 sau khi kết hôn cùng về chung sống tại thôn A, xã A1, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T2 nghiện ma túy và không có con chung dẫn đến việc chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện T1 sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa chị L và anh T2 đã kéo dài, tình trạng trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không có, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong vụ án này: Lời trình bày của chị Đỗ Thị L về quan hệ hôn nhân và lý do đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà chị giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Bùi Văn T2 không trình bày ý kiến của mình, không có ý kiến gì khác với ý kiến chị L nên thuộc trường hợp không cần phải chứng minh. Quan hệ con chung không có. Quan hệ tài sản chung phát sinh từ quan hệ hôn nhân, chị L không yêu cầu giải quyết và anh T2 không trình bày ý kiến nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án giải quyết cho chị Đỗ Thị L và anh Bùi Văn T2 được ly hôn. Về con chung chị L và anh T2 không có con chung nên không đề cập vấn đề phải giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung chị L trình bày không có tài sản chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị L và anh T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh T2 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần

thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T2.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị L và anh Bùi Văn T2 được xác lập vào năm 2013 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng kể từ tháng 01 năm 2017 dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có con chung, anh T2 không từ bỏ được việc nghiện ma túy dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn sâu sắc đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên chị Đỗ Thị L xin ly hôn với anh Bùi Văn T2. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị L với anh Bùi Văn T2.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị L và anh Bùi Văn T2 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị L và anh Bùi Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Bùi Văn T2.

2. Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị L và anh Bùi Văn T2 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị L và anh Bùi Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0005988 ngày 20 tháng 11 năm 2017; Chị Đỗ Thị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị L, anh Bùi Văn T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã An Lư, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Vân